hún dàn

浑蛋

noun (vulgar) · bastard; jerk

Example Sentences

Nǐ zhēn shì gè hún dàn
你 真 是个 浑 蛋！

You're such a jerk!

Nà gè hún dàn tōu le wǒ de qián bāo
那个 浑 蛋 偷了我的 钱 包。

That bastard stole my wallet.

Trace each character, then write the word on your own.

浑 浑 浑 浑 浑 浑 浑 浑 浑 浑 浑

浑

蛋 蛋 蛋 蛋 蛋 蛋 蛋 蛋 蛋 蛋 蛋

蛋 蛋 蛋